

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
Số: 17/2002/QĐ-BGDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30/03/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy chế thi tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông”

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho các Quyết định số 15/1998/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/04/1998, số 07/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 27/02/1999, số 03/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/02/2000 và số 07/2001/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3: Các Ông (bà) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ

ĐÀO TẠO
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Văn Vọng

QUY CHẾ

THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 04 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, quản lý, nội dung các kỳ thi tốt nghiệp; tổ chức và hoạt động của các ban chỉ đạo, kiểm tra thi; phân cấp quản lý các kỳ thi; công tác khen thưởng và kỷ luật trong các kỳ thi.

Các quy định của Quy chế này áp dụng cho kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở và kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu, căn cứ xét tốt nghiệp

Kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông nhằm mục đích:

Kiểm tra, xác nhận trình độ được đào tạo của học sinh sau một cấp học theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Làm căn cứ để phân luồng học sinh sau khi ra trường; cho tiếp tục học lên, đào tạo nghề, đào tạo qua lao động sản xuất và hoạt động xã hội.

Làm cơ sở cho đánh giá kết quả dạy và học của các trường thuộc bậc trung học; đánh giá công tác chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục ở từng cấp học.

Kỳ thi phải đảm bảo các yêu cầu:

Nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, phù hợp với trình độ của học sinh.

Căn cứ để xét tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp:

Xếp loại hạnh kiểm và xếp loại học lực của học sinh năm học lớp 9 hoặc lớp 12 (sau đây gọi chung là lớp cuối cấp).

Điểm các bài thi tốt nghiệp

Chương 2:

NGÀY THI, MÔN THI, NỘI DUNG THI

Điều 3. Tổ chức kỳ thi và ngày thi

Mỗi năm tổ chức một kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở và một kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

Ngày thi được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong biên chế năm học.

Trong từng trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể quyết định tổ chức hai kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở trong một năm học và giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) quy định ngày thi của kỳ thi thứ hai.

Điều 4. Môn thi

Môn thi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 hằng năm.

Hình thức thi, lịch thi, thời gian làm bài của mỗi môn thi được quy định trong hướng dẫn tổ chức thi từng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 5. Chương trình và nội dung thi

Học sinh học theo chương trình nào sẽ được thi theo chương trình đó; nội dung thi là toàn bộ chương trình lớp cuối cấp.

Học sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 điều 6 của Quy chế này cũng phải thi đủ các môn thi, nội dung thi, hình thức thi quy định của năm tổ chức kỳ thi.

Chương 3:

ĐIỀU KIỆN DỰ THI, HỒ SƠ THI

Điều 6. Đối tượng dự thi

Những học sinh đã học hết chương trình lớp cuối cấp ở các loại hình trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trong năm tổ chức kỳ thi.

Những học sinh đã học hết chương trình của một cấp ở những năm trước nhưng không đủ điều kiện dự thi hoặc đã dự thi nhưng không tốt nghiệp và các đối tượng đặc biệt khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép dự thi (sau đây gọi chung là thí sinh tự do).

Điều 7. Điều kiện dự thi

Những học sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này được công nhận đủ điều kiện dự thi, nếu:

Học sinh các lớp quy định của cấp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông (học liên tục hoặc không liên tục); được đánh giá, xếp loại về hạnh kiểm và học lực ở mỗi lớp học; được lên lớp theo quy định hiện hành.

Đánh giá, xếp loại ở lớp cuối cấp;

b.1) Hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên.

b.2) Không bị xếp loại kém về học lực

b.3) Không nghỉ học quá 45 buổi (nghỉ một lần hay nghỉ nhiều lần cộng lại).

Không trong thời gian tạm giam, tạm giữ hoặc mất quyền công dân.

Những đối tượng học sinh nêu tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này được công nhận đủ điều kiện dự thi, nếu:

Không trong thời gian tạm giam, tạm giữ hoặc mất quyền công dân; không trong thời gian chịu kỷ luật cấm thi.

Được xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú xác nhận và đề nghị cho dự thi nếu: thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước và những quy định về an ninh trật tự ở địa phương; tham gia các hoạt động xã hội do địa phương tổ chức; lối sống và đạo đức tốt.

Riêng những học sinh không đủ điều kiện dự thi do bị xếp loại kém về học lực ở lớp cuối cấp phải đăng ký và dự kỳ kiểm tra cuối năm học tại nhà trường nơi học lớp cuối cấp một số môn học có điểm trung bình dưới 5,0 sao cho điểm bài kiểm tra khi

thay cho điểm trung bình môn học để tính lại điểm trung bình cả năm thì đủ điều kiện về học lực theo quy định.

Tuổi dự thi (đối với học sinh đang học và thí sinh tự do): không quá 21 tuổi đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở, không quá 24 tuổi đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

Chậm nhất trước ngày thi 10 ngày, Hiệu trưởng nhà trường phải thông báo công khai những học sinh không đủ điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 1,2,3 của Điều này.

Điều 8. Hồ sơ dự thi

Với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này:

Học bạ (bản chính):

a.1) Học bạ trung học cơ sở (đối với kỳ thi trung học cơ sở)

a.2) Học bạ trung học phổ thông (đối với kỳ thi trung học phổ thông)

Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

Bằng tốt nghiệp (bản chính):

c.1) Bằng tốt nghiệp tiểu học (đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở).

c.2) Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tốt nghiệp bổ túc trung học cơ sở (đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông).

Phiếu dự thi có dán ảnh 4cm x 6cm và dấu giáp lai trên ảnh do nhà trường cấp.

(đ) Các giấy chứng nhận để được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có) gồm:

đ.1) Con liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chế độ như thương binh do phòng thương binh- xã hội cấp huyện cấp.

đ.2) Bản sao sổ đăng ký hộ khẩu thường trú thuộc vùng cao, vùng sâu, khu kinh tế mới, xã đặc biệt khó khăn do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận hoặc công chứng nhà nước.

(e) Các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ cộng điểm khuyến khích (nếu có) gồm:

e.1) Chứng nhận nghề phổ thông.